

Bản án số: **644/2024/HNGĐ-ST**
Ngày 30-5-2024
V/v “Ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỬ CHI, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Tô Thanh Liêm

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Ngọc Cảnh.
2. Ông Thái Văn Sơn

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Minh Quang, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cử Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cử Chi, Thành phố Hồ Chí Minh: Ông Đào Văn Tiền – Kiểm sát viên.

Trong ngày 30/5/2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cử Chi, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 68/2024/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 01 năm 2024, về việc “Tranh chấp về ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 166/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 19/9/2024 và Quyết định hoãn phiên Tòa số: 217/2024/QĐST-HNGĐ ngày 09/5/2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Ngô Thị Khánh B**, sinh năm 1982.(có đơn xin vắng mặt)
Địa chỉ: **Số C, đường Q, ấp Đ, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.**

Bị đơn: Ông **Đặng Anh T**, sinh năm: 1983. (vắng mặt)
Địa chỉ: **Số C, đường Q, ấp Đ, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.**

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn xin ly hôn ngày 26/12/2023, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà **Ngô Thị Khánh B** trình bày:

Bà và ông **T** chung sống có Giấy chứng nhận kết hôn số 217, quyền số 02, ngày 13/9/2004 do Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Trong quá trình chung sống, ông bà không hòa hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, cả hai đều cố gắng hàn gắn hạnh phúc nhưng mục đích của cuộc sống hôn nhân không thể kéo dài. Nay bà yêu cầu được ly hôn với ông **T**.

Về con chung: Có 03 con chung là **Đặng Anh P**, sinh ngày 30/10/2002; **Đặng Ngọc Cát T1**, sinh ngày 07/11/2008 và **Đặng Hoàng M**, sinh ngày 01/11/2013. Bà có yêu cầu được quyền tiếp tục nuôi con, ông **T** trợ cấp nuôi con mỗi tháng 2.000.000 (Hai triệu) đồng cho đến đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Có nhà riêng nhưng chưa có Giấy chứng nhận quyền sở

hữu. Bà đồng ý giao các con quản lý, sử dụng.

Về nợ chung: Vợ chồng tự chia.

* Bị đơn ông **Đặng Anh T** vắng mặt không có lý do.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

- Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án như: Thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp cũng như tư cách pháp lý và mối quan hệ giữa những người tham gia tố tụng; Việc xác minh thu thập chứng cứ, giao nhận chứng cứ đúng quy định tại các Điều từ 93 đến 97 Bộ luật tố tụng dân sự. Trình tự thụ lý, việc giao nhận thông báo thụ lý cho Viện kiểm sát và cho đương sự đúng quy định tại các Điều 195, 196 Bộ luật tố tụng dân sự. Quyết định đưa vụ án ra xét xử đã gửi cho Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi, gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đúng quy định.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng.

- Về nội dung: Sau khi phân tích, nhận định đánh giá tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và tranh tụng tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu theo đơn khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Căn cứ đơn khởi kiện của bà **Ngô Thị Khánh B** yêu cầu ly hôn với ông **Đặng Anh T**. Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật có tranh chấp là “Ly hôn theo yêu cầu của một bên” quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, thuộc trường hợp “Ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn ông **Đặng Anh T** cư trú tại **xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh** nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Việc vắng mặt của ông **Đặng Anh T**, Tòa án đã triệu tập, xác minh nơi cư trú và thực hiện thủ tục tổng đạt, niêm yết các văn bản tố tụng đúng theo quy định của pháp luật nhưng ông **Đặng Anh T** vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng. Đồng thời, ngày 25/3/2024, bà **B** có Đơn xin xét vắng mặt nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bà **Ngô Thị Khánh B** và ông **Đặng Anh T** theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm

2015.

[3] Về quan hệ hôn nhân giữa bà **B** và ông **T** có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã **T**, huyện **C**, Thành phố Hồ Chí Minh, được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 217, quyển số 02, ngày 13/9/2004, hôn nhân giữa bà **B** và ông **T** là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Hội đồng xét xử xét thấy việc bà **B** yêu cầu ly hôn với ông **T** vì mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Ông **Đặng Anh T** vắng mặt không có lý do chính đáng là tự bỏ quyền chứng minh theo quy định tại Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà **B** theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Có 03 con chung là **Đặng Anh P**, sinh ngày 30/10/2002; **Đặng Ngọc Cát T1**, sinh ngày 07/11/2008 và **Đặng Hoàng M**, sinh ngày 01/11/2013. Bà có yêu cầu được quyền tiếp tục nuôi con, ông **T** trợ cấp nuôi con mỗi tháng 2.000.000 (Hai triệu) đồng cho đến đủ 18 tuổi.

Xét thấy, 03 con chung là **Đặng Anh P**, sinh ngày 30/10/2002; **Đặng Ngọc Cát T1**, sinh ngày 07/11/2008 và **Đặng Hoàng M**, sinh ngày 01/11/2013 cùng có nguyện vọng được ở với mẹ và việc ông **T** vắng mặt Tòa án không thể ghi nhận ý kiến của ông **T** nên Hội đồng xét xử chấp nhận và ghi nhận sự tự nguyện về việc chăm sóc, nuôi dưỡng con chung của bà **B**.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Ông **T** phải cấp dưỡng nuôi 02 con là **Đặng Ngọc Cát T1**, sinh ngày 07/11/2008 và **Đặng Hoàng M**, sinh ngày 01/11/2013 mỗi tháng 2.000.000 (Hai triệu) đồng /02 con cho đến đủ 18 tuổi. Thời hạn thi hành được tính kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

[6] Về tài sản chung: Các bên không tranh chấp.

[7] Về nợ chung: Các bên không tranh chấp.

[8] Án phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm bà **B** phải chịu, án phí cấp dưỡng nuôi con ông **T** phải chịu theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Nhận thấy, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh phù hợp với các quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 91, khoản 1 Điều 96, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà **Ngô Thị Khánh B.**

- Về quan hệ hôn nhân: Bà **Ngô Thị Khánh B** được ly hôn với ông **Đặng Anh T.**

Giấy chứng nhận kết hôn số 217, quyển số 02, ngày 13/9/2004 do Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho bà **Ngô Thị Khánh B** và ông **Đặng Anh T** hết hiệu lực kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

- Về con chung: Bà **Ngô Thị Khánh B** được quyền tiếp tục nuôi dưỡng 03 con chung là **Đặng Anh P**, sinh ngày 30/10/2002; **Đặng Ngọc Cát T1**, sinh ngày 07/11/2008 và **Đặng Hoàng M**, sinh ngày 01/11/2013.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Ông **Đặng Anh T** phải cấp dưỡng nuôi 02 con là **Đặng Ngọc Cát T1**, sinh ngày 07/11/2008 và **Đặng Hoàng M**, sinh ngày 01/11/2013. Mỗi tháng 2.000.000 (Hai triệu) đồng/02 con cho đến đủ 18 tuổi. Thời hạn thi hành được tính kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

Khi có lý do chính đáng việc cấp dưỡng nuôi con có thể thay đổi. Việc thay đổi cấp dưỡng nuôi con do các bên thỏa thuận; nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Nếu lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì bên trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của bên không trực tiếp nuôi con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5, Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- Về tài sản chung: Các bên không tranh chấp.
- Về nợ chung: Các bên không tranh chấp.

2. Án phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm về việc ly hôn là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng bà **Ngô Thị Khánh B** chịu, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng do bà **Khánh B** đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2023/0019147 ngày 23/01/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà **Ngô Thị Khánh B** đã nộp đủ tiền án phí. Án phí cấp dưỡng nuôi con ông **Đặng Anh T** phải chịu là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng.

Thi hành tại cơ quan Thi hành án Dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án Dân sự.

Nguyên đơn và bị đơn được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND huyện Củ Chi;
- Chi cục THADS huyện Củ Chi;
- UBND xã T,
- Các đương sự;
- Lưu VP, Hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Tô Thanh Liêm